

Số: 27 /NQ-HĐND

An Phú, ngày 27 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Đầu tư Công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương
thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực,
Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày
11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương.*

*Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết kế hoạch
đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 02/8/2024 của Hội đồng nhân
dân huyện về việc Sửa đổi, bổ sung phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung
hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện.*

*Xét Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân huyện về Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư
công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện; Báo cáo
thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND và ý kiến thảo luận của các đại biểu
Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện, như sau:

I. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện là **200.929** triệu đồng, tăng 26.473 triệu đồng so với chỉ tiêu tỉnh giao là 174.456 triệu đồng và giảm 56.798 triệu đồng so với Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 02/8/2024 của HĐND huyện giao là 257.727 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư tập trung: 136.456 triệu đồng (bằng chỉ tiêu tỉnh giao và Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 02/8/2024 của HĐND huyện giao).

- Vốn thu tiền sử dụng đất: 64.473 triệu đồng (tăng 26.473 triệu đồng so với chỉ tiêu tỉnh giao là 38.000 triệu đồng và giảm 56.798 triệu đồng so với Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 02/8/2024 của HĐND huyện giao là 56.798 triệu đồng). Nguồn thu từ tiền sử dụng đất đến thời điểm hiện tại chưa đủ để cân đối bố trí theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 02/8/2024 của HĐND huyện, nguyên nhân do nguồn thu tiền sử dụng đất từ việc khai thác các khu đất công dự kiến (khu đất tại Cầu C3, khu dân cư chợ Phú Lợi,...) đưa ra đấu giá trong giai đoạn 2021-2025 chưa thực hiện được do vướng thủ tục theo quy định của Luật Đất đai, Luật Nhà ở,...

STT	Cơ cấu ngành - lĩnh vực đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách huyện theo NQ 08/NQ-HĐND ngày 02/8/2024 của HĐND huyện	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách huyện	DVT: Triệu đồng	
				Tăng (+) Giảm (-) (triệu đồng)	Cơ cấu phân bổ theo lĩnh vực thực hiện đầu tư (%)
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG	257.727	200.929	-56.798	
A	Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSDĐ	12.127	6.447	-5.680	
B	Thực hiện đầu tư	245.600	194.482	-51.118	99,23
I	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật	89.495	73.856	-15.639	37,20
1	Công nghiệp			-	-
2	Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy sản - giao thông	86.635	70.996	-15.639	35,73
	- Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy sản	-	1.500	1.500	1,47
	- Giao thông	86.635	69.496	-17.139	35,73
3	Khoa học và công nghệ	2.860	2.860	-	1,47
II	Hạ tầng phúc lợi xã hội	96.661	69.077	-27.584	35,52
1	Giáo dục - Đào tạo - Dạy nghề	71.369	44.265	-27.104	22,76
2	Y tế	-	-	-	-
3	Phúc lợi - Xã hội - Công cộng	21.810	21.345	-465	10,98
4	Văn hóa - Thể thao - Du lịch	3.482	3.467	-15	1,78
III	Quốc phòng - An ninh :	23.199	23.159	-40	11,91
IV	Quản lý nhà nước - Đảng - Đoàn thể	31.459	23.604	-7.855	12,14
V	Công nợ sau quyết toán	4.786	4.786	-	2,46

II. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện

Thực hiện theo các quy định nêu tại Điều 4 Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương.

III. Điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện, như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện là **200.929** triệu đồng, trong đó:

*** Điều chỉnh:**

- Điều chỉnh cơ cấu vốn danh mục thực hiện đầu tư như sau:

+ *Điều chỉnh giảm vốn lĩnh vực Cơ sở hạ tầng kỹ thuật*: 15.639 triệu đồng (Điều chỉnh giảm từ 89.495 triệu đồng xuống 73.856 triệu đồng).

+ *Điều chỉnh giảm vốn lĩnh vực Hạ tầng phúc lợi xã hội*: 27.584 triệu đồng (Điều chỉnh giảm từ 96.661 triệu đồng xuống 69.077 triệu đồng).

+ *Điều chỉnh giảm vốn lĩnh vực Quốc phòng – An ninh*: 40 triệu đồng (Điều chỉnh giảm từ 23.199 triệu đồng xuống 23.159 triệu đồng).

+ *Điều chỉnh giảm vốn lĩnh vực Quản lý nhà nước – Đảng – Đoàn thể*: 7.855 triệu đồng (Điều chỉnh giảm từ 31.459 triệu đồng xuống 23.604 triệu đồng).

- Nguyên nhân điều chỉnh: Điều hòa cân đối vốn giữa các danh mục công trình cho phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn của từng danh mục và đảm bảo theo tiến độ thực hiện dự án được duyệt, nhất là các danh mục đối ứng từ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh có thời gian thực hiện kéo dài qua giai đoạn 2026-2030.

*** Bổ sung:**

- Điều chỉnh bổ sung 03 danh mục:

1. Gia cố sạt lở bờ nam kênh Vĩnh Lộc (Đoạn từ nhà Ba Đan đến nhà Sáu Khóm);

2. Đường GTNT rọc Đìa Xương ấp Hà Bao 2;

3. Cải tạo hàng rào + Hội trường Trụ sở Huyện ủy An Phú.

- Nguyên nhân điều chỉnh:

+ Điều chỉnh, bổ sung thực hiện đầu tư 01 danh mục: Đường GTNT rọc Đìa Xương ấp Hà Bao 2 do công trình thực hiện trên địa bàn thị trấn Đa Phước thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện theo Quyết định 3911/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện. Tuy nhiên,

thị trấn Đa Phước được công nhận là thị trấn từ ngày 10/4/2023 dẫn đến nguồn vốn ngân sách trung ương giảm 1.157 triệu đồng.

+ Điều chỉnh, bổ sung thực hiện đầu tư 02 danh mục có tính nhu cầu cấp thiết cần triển khai thực hiện trong năm 2025.

(Đính kèm biểu kế hoạch vốn chi tiết)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện An Phú Khoá VII, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch - Đầu tư;
- Thường trực Huyện ủy;
- UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan ban, ngành, đoàn thể huyện;
- VP.Huyện ủy, HĐND và UBND huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Phùng Minh Tân

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN ĐOẠN 2021 - 2025
THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN
(Kèm theo Nghị quyết số: 27/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của HĐND huyện An Phú)

Đơn: Triệu đồng

STT	Tên mục công trình	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 02/8/2024 của HĐND huyện			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện			Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Đầu tư tập trung	Thu TSDD	Tổng cộng	Đầu tư tập trung	Thu TSDD			
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=11-8	15	16
TỔNG CỘNG															
A	CHI ĐO ĐẶC CẤP GCN QSDD					786,184	257,727	136,456	121,271	200,929	136,456	64,473	-56,798		
B	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ					786,184	12,127	136,456	12,127	6,447	-	6,447	-5,680		
I	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật					269,002	245,600	136,456	109,144	194,482	136,456	58,026	-51,118		
a	Công nghiệp					-	89,495	42,564	46,931	73,856	51,339	22,517	-15,639		
b	Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy sản - giao thông					265,956	86,635	39,704	46,931	70,996	48,479	22,517	-15,639		
b.1	Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy sản					1,500	-	-	-	1,500	-	1,500	-		
I	Gia cố sạt lở bờ nam kênh Vĩnh Lộc (Đoạn từ nhà Bà Đạm đến nhà Sáu Khóm)	xã Vĩnh Lộc	7hm	2024-2025	1484/QĐ-UBND, 09/12/2024	1,500	-	-	-	1,500	-	1,500	-	Ban QL, DA ĐTXD KV huyện	BS mới 2025
b.2	Giao thông vận tải					264,456	86,635	39,704	46,931	69,496	48,479	21,017	-17,139		
1	Nâng cấp đường GTNT áp Bình Di, xã Khánh Bình	Khánh Bình	350m	2020-2021	2163/QĐ-UBND, 18/10/19	4,250	1,455	500	955	1,455	500	955	-	UBND xã Khánh Bình	
2	Nâng cấp sửa chữa lộ GTNT ven sông Bình Di thuộc ấp Sa Tô	Khánh Bình	700m	2021	2467/QĐ-UBND, 18/9/2020	1,200	1,196	1,196	-	1,196	1,196	-	-	Ban QL, DA ĐTXD KV huyện	
3	Đường nông thôn ven bãi Phước Thọ	Đa Phước	800m	2021-2022	2466/QĐ-UBND, 18/9/2020	2,900	-	-	-	-	-	-	-	Ban QL, DA ĐTXD KV huyện	Không thực hiện
4	Cầu Hiệp Lợi	Phu Hữu	79,15m	2022-2024	2493/QĐ-UBND, 28/10/2021	10,603	4,105	4,105	-	4,105	4,105	-	-	Ban QL, DA ĐTXD KV huyện	
5	Cầu An Phú - Vĩnh Trường	TT. An Phú - Vĩnh Trường	160m	2022-2024	2474/QĐ-UBND, 30/11/2022, 639/QĐ-UBND, 24/5/2022	39,972	8,062	8,062	-	8,062	8,062	-	-	Ban QL, DA ĐTXD KV huyện	

ST	Danh mục công trình	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 02/8/2024 của HĐND huyện				Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện				Tăng, giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số: ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng công	Trong đó		Tổng công	Trong đó						
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9		10	11=12+13		12	13	14=11-8	15	16
								Trong đó				Trong đó					
								Đầu tư tập trung		Thu TSDD		Đầu tư tập trung		Thu TSDD			
6	Cầu Đa Phước - Vĩnh Trường	Đa Phước - Vĩnh Trường	160m	2022-2024	343/QĐ-UBND 25/02/2022; 21/49/QĐ-UBND 24/8/2022	42.906	21.589	8.507	13.082	19.428	10.688	8.740	-2.161	Ban QLDA DTXD K.V huyện	Nhu cầu NSH đợt tung 74582		
7	Nâng cấp, mở rộng đường Bờ Đông liên xã	Vinh Hào - Vinh Lộc	14,43km	2023-2026	2501/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	144.195	33.749	7.524	26.225	19.942	11.813	8.129	-13.807	Ban QLDA DTXD K.V huyện			
8	Nâng cấp, mở rộng đường Tôn Thất Tùng (đoạn từ công Ba Đạm đến đường tỉnh 957)	Phù Hội	466,7m	2021-2022	2628/QĐ-UBND 09/10/2020	1.131	1.131	1.131	-	1.131	1.131	-	-	Ban QLDA DTXD K.V huyện			
9	Đường giao thông nông thôn Thanh Hòa (giai đoạn 2)	Khánh An	461,3m	2021	2423/QĐ-UBND 10/9/2020	1.425	1.425	1.425	-	1.425	1.425	-	-	UBND xã Phú Hào			
10	Đường giao thông Ba Ba Mù (đoạn 2)	Phù Hào	376,5m	2021	2581/QĐ-UBND 01/10/2020	613	613	613	-	613	613	-	-	UBND xã Phú Hào			
11	Nâng cấp lộ GTNT xã Vĩnh Trường (đoạn từ cầu Vĩnh Trường đến bên đò Châu Phong)	Vinh Trường	7000m	2024-2025	2277/QĐ-UBND, 20/10/2021	5.500	5.500	4.811	689	4.000	3.407	593	-1.500	Ban QLDA DTXD K.V huyện			
12	Đường ra cánh đồng ông Đạm (giai đoạn 2)	Khánh Bình	800m	2022-2024	2043/QĐ-UBND, 25/11/2022	1.247	1.141	1.141	-	1.141	1.141	-	-	Ban QLDA DTXD K.V huyện			
13	NCKMĐ đường nối ấp Vĩnh Bình đến ấp Vĩnh Thanh (Xã Vĩnh Trường)	Vinh Trường	1160m	2023-2025	2724/QĐ-UBND, 12/9/2023	4.069	4.069	689	3.380	3.380	3.380	-	-689	Ban QLDA DTXD K.V huyện			
14	Đường GTNT rọc Địa Xương ấp Hà Bao 2	Đa Phước	800m	2022 - 2025	1405/QĐ-UBND, ngày 27/02/2023	1.845	1.300	-	-	1.135	1.135	-	1.135	Ban QLDA DTXD K.V huyện	ĐN NSH đợt NTM năm 2023		
15	Đường dân Trường An chỉnh trị huyện An Phú	TT. An Phú	1160m	2024-2025	644/QĐ-UBND, 05/6/2024	1.300	1.300	-	1.300	1.300	-	1.300	-	Ban QLDA DTXD K.V huyện	BS mới 2025		
16	Nâng cấp lộ GTNT ấp Vạt Lài xã Khánh Bình	Khánh Bình	1080m	2024-2025	571/QĐ-UBND, 20/5/2024	1.300	1.300	-	1.300	1.300	-	1.300	-	Ban QLDA DTXD K.V huyện	BS mới 2025		
c	Khoa học và công nghệ					3.046	2.860	2.860	-	2.860	2.860	-	-				
1	Hệ thống truyền hình hội nghị trực tuyến	TT. An Phú	Tổng số 16 điểm cầu	2021-2023	2588/QĐ-UBND 05/10/2020	3.046	2.860	2.860	-	2.860	2.860	-	-	Van Phong HPND và UBND huyện			
II	Hạ tầng phục vụ xã hội					419.805	96.661	48.641	48.020	69.077	39.847	29.230	-27.584				
a	Giáo dục - Đào tạo - Dạy nghề					366.987	71.369	36.205	41.164	44.265	21.891	22.374	-27.104				

STT	Danh mục công trình	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 02/8/2024 của HĐND huyện			Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện			Chủ đầu tư	Chị chủ	
					Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Đầu tư tập trung	Thu TSDĐ	Tổng cộng	Đầu tư tập trung	Thu TSDĐ			
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=11-8	15	16
1	Trường mẫu giáo Phước Hưng điểm chính (Phước Khánh)	Phước Hưng	XD mới, khối 6 p.học, 1 GDTC, 1 GDNT, 1 nhà bếp, 1p H.Trường, 1p PHT, 1VP, 1H.Trường, 1p HCQT, 1p Niệm, 1p Y tế, 1 nhà BV, 1xGV, 17 sĩ HS, 2 sĩ GV, CTNS, HKT, Trang thiết bị, DT XD mới.	2021-2023	2184/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	30,409	2,350	1,803	547	2,350	1,803	547		Ban QLDA ĐTXD KV huyện	nhu cầu 6497
2	Trường mẫu giáo Phước Hưng điểm phụ (Phước Hoà)	Phước Hưng	02p.học, mvs HS 6 sĩ, mvs GV, mxe GV, CTNS, XD mới.	2021-2023	2219/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	4,784	668	300	368	668	300	368		Ban QLDA ĐTXD KV huyện	
3	Trường mẫu giáo Phước Hưng điểm phụ (Phước Thành)	Phước Hưng	02p.học, mvs HS 6 sĩ, mvs GV, mxe GV, CTNS, XD mới, 8 p.học.	2021-2023	1808/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	5,156	920	480	440	920	480	440		Ban QLDA ĐTXD KV huyện	
4	Trường tiểu học Phước Hưng điểm phụ (Phước Hoà)	Phước Hưng	khởi phụ trợ, CT nước sạch, HKT, Cài tạo máy, HCQT.	2021-2023	2183/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	14,487	1,258	400	858	1,258	400	858		Ban QLDA ĐTXD KV huyện	
5	Trường tiểu học Phước Hưng điểm chính (Phước Thành)	Phước Hưng	khởi phụ, khởi hồ trợ học tập, khởi phụ trợ CT nước sạch, HKT, Cài tạo máy, HCQT.	2021-2023	2442/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	31,579	2,515	1,604	911	4,585	3,674	911	2,070	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	nhu cầu 6.291 bộ trí 04 năm
6	Trường tiểu học Phước Hưng điểm phụ (Phước Thành)	Phước Hưng	phụ trợ, CT nước sạch, HKT, Cài tạo máy, HCQT, khởi học tập, khởi phòng hồ trợ học tập, khởi phụ trợ, CT nước sạch.	2021-2023	2651/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	12,176	1,086	800	286	1,086	800	286		Ban QLDA ĐTXD KV huyện	
7	Trường THCS Phước Hưng	Phước Hưng	phụ trợ, CT nước sạch, HKT, Cài tạo máy, HCQT, khởi học tập, khởi phòng hồ trợ học tập, khởi phụ trợ, CT nước sạch, XD 14ph, CT phụ trợ, HKT, TB, Cài tạo 09ph thành các phòng chức năng, DT 5,021m ²	2023-2026	NQ 04/NQ-HĐND, 14/4/2022	52,313	4,000	1,500	2,500	4,260	3,378	882	260	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	
8	Trường tiểu học D Phú Hữu (điểm chính)	Phú Hữu	phụ trợ, HKT, TB, Cài tạo 09ph thành các phòng chức năng, DT 5,021m ²	2022-2024	394/QĐ-UBND, 04/3/2022, 729/QĐ-UBND, 26/5/2023	20,898	3,750	3,228	522	3,013	3,013	-	-7,77	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	nhu cầu: 3.750
9	Trường tiểu học và trung học cơ sở nội trú Khánh An	Khánh An	DT Khu đất và 14.101m ²	2022-2025	NQ 15/HĐND, 15/8/2022	79,370	20,429	9,705	10,724	10,724	4,135	6,589	-9,705	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	nhu cầu CĐT 20.429
10	Trường tiểu học A Khánh An	Khánh An	XD 21ph, khởi phòng chức năng, NVS, nhà vệ g, hệ công trình nước sạch, cấp nước, cải tạo phòng học và phòng tự học tại 39 diện trường địa bàn huyện An Phước. Mua sắm bổ sung trang thiết bị.	2022-2024	3004/QĐ-UBND, 16/12/2021	42,405	4,500	2,570	1,930	3,740	2,740	1,000	-7,40	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	
11	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 - 2025 huyện An Phú	H.A.P		2024-2027	NQ 04/NQ-HĐND, 14/4/2022, NQ 28/NQ-HĐND, 14/11/2023	43,340	26,232	6,647	19,585	8,000	-	8,000	-18,232	Ban QLDA ĐTXD KV huyện	

S T T	Danh mục công trình	Điểm điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công Trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 02/8/2024 của HĐND huyện			Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công Trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện			Tăng, giảm	Chủ đầu tư	Chi chủ
					Số: ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng công	Đầu tư tập trung	Thu TSDĐ	Tổng công	Đầu tư tập trung	Thu TSDĐ			
1	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn huyện An Phú giai đoạn 2021-2025	3	4	5	6	7	8-9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=11-8	15	16
12		H AP	Xã mới: 2,475 Xã cũ (tạo): 1,562 Xã cũ	2023-2026	NQ 43/NQ-HĐND, 08/12/2021	30,070	3,661	1,168	2,493	3,661	1,168	2,493	-	Ban QLDA DTXD KV huyện	như cầu NSH 1,661
b	Y tế														
c	Phúc lợi - Xã hội - Công cộng					33,499	21,810	14,954	6,856	21,345	14,489	6,856	-465		
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng và trung tâm thương mại Long Bình	Long Bình	DT: 10,457m ² , gồm 11TTM, Chợ nhỏ sản, HT PCCC, đường sét	2020-2021	2158/QĐ- UBND 18/10/19- 929/QĐ- UBND ngày 04/6/2020	25,000	15,731	9,879	5,852	15,731	9,879	5,852	-	Ban QLDA DTXD khu vực huyện	
2	Đầu tư mới nhà lồng chợ Bắc Đại	Nhơn Hải	Diện tích xây dựng 795m ²	2022-2024	2278/QĐ- UBND, 20/10/2021, 3825/QĐ- UBND ngày 07/12/2023	2,772	2,772	2,772	-	2,150	2,150	-	-622	Ban QLDA DTXD khu vực huyện	
3	Xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư xã Phước Hưng	Phước Hưng	DT: 1.500m ² , 36m ³ /ngày, diện IR: 250m, bề d ^o : 320m, 2 Bọc hàng hai bên nhà hạ	2021	2275, 19/10/2021	747	654	654	-	654	654	-	-	Ban QLDA DTXD khu vực huyện	
4	Sửa chữa hàng rào, lam lợp đi chình và bậc thang nhà bia Liệt sĩ huyện An Phú	TT An Phú		2022	1231/QĐ- UBND ngày 18/8/2022	900	853	853	-	853	853	-	-	Ban QLDA DTXD khu vực huyện	
5	Hệ thống đèn chiếu sáng, cây xanh và an toàn giao thông công cộng huyện	Đa Phước	28 trụ đèn d ^o : 40 chiều dài chiều thay	2022-2023	643/QĐ- UBND, 18/8/2022	880	738	738	-	738	738	-	-	Ban QLDA DTXD khu vực huyện	
6	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tuyến dân cư: Cồn Liệt Sĩ xã Quốc Thái	Quốc Thái	362m ³	2024-2025	05/6/2024	2,200	1,062	58	1,004	1,219	215	1,004	157	Ban QLDA DTXD khu vực huyện	BS mới 2025 (đối ứng NTM)
d	Văn hóa - Thể thao - Du lịch					20,319	3,482	3,482	-	3,467	3,467	-	-15		
1	Nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đài truyền thanh cơ sở năm 2021	toàn huyện	VC, SC	2021	2506/QĐ- UBND, 24/9/2020	200	200	200	-	200	200	-	-	Ban Truyền thanh huyện	
2	Nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đài truyền thanh cơ sở năm 2022	toàn huyện	VC, SC	2022	2506/QĐ- UBND ngày 24/9/2020	200	181	181	-	181	181	-	-	Ban QLDA DTXD khu vực huyện	
3	Nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đài truyền thanh cơ sở năm 2023	toàn huyện	VC, SC	2023	2279/QĐ- UBND ngày 21/11/2021	200	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA DTXD khu vực huyện	
4	Nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đài truyền thanh cơ sở năm 2024	toàn huyện	VC, SC	2024	2470/QĐ- UBND ngày 30/11/2021	200	200	200	-	185	185	-	-15	Ban QLDA DTXD khu vực huyện	
5	Nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đài truyền thanh cơ sở năm 2025	toàn huyện	VC, SC	2025	2471/QĐ- UBND ngày 30/11/2021	200	200	200	-	200	200	-	-	Ban QLDA DTXD khu vực huyện	

STT	Danh mục công trình	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện theo Nghị quyết số 08/NO-HĐND ngày 02/8/2024 của HĐND huyện				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện				Tang, giảm	Chú đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Đầu tư tập trung	Thu TSDD	Tổng cộng	Đầu tư tập trung	Thu TSDD					
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=11-8	15	16		
6	Trung Tâm văn hóa - thể thao xã Phước Hưng	Phước Hưng	DT 2950m ² ; Xây mới Hội trường văn hóa đa năng, các phòng chức năng, sân bóng đá mini, sân sinh hoạt cộng đồng, phòng vệ sinh, HTKT	2021-2023	2198/QĐ-UBND, ngày 23/9/2021	5,267	1,028	1,028	-	1,028	1,028	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
7	Cải tạo Chùa Phước Trường	Vĩnh Trường	Phục dựng chính điện 238m ² ; phục dựng nhà khách 90m ²	2022-2023	225/QĐ-UBND, ngày 11/02/2022	5,037	470	470	-	470	470	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	Nhu cầu 881		
8	Cải tạo Đình Vĩnh Thành	Vĩnh Trường	Cải tạo khối chính điện 278m ² ; nhà khách + nhà kho 197m ² ; 2 Miếu 2,3m ² /miếu	2022-2023	223/QĐ-UBND, ngày 11/02/2022	3,515	523	523	-	523	523	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	Nhu cầu 645		
9	Trung tu, sửa chữa Đình Khánh Bình	Khánh Bình	CT, SC	2023-2025	1646/QĐ-UBND, ngày 16/10/2023	5,500	680	680	-	680	680	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	Nhu cầu 680		
III	Quốc phòng - An ninh :					25,426	23,199	17,481	5,718	23,159	17,441	5,718	-40				
1	Xây dựng Ban Chi huy quân sự thị trấn Long Bình	Long Bình	397,39m ² ; Tru sở làm việc, nhà nghỉ, bếp ăn, HTKT, TTB	2024-2025	2280/QĐ-UBND, ngày 21/10/2021, 3226/QĐ-UBND, ngày 12/10/2023, 2611/QĐ-UBND, ngày 07/10/2020	5,657	5,381	5,381	-	5,381	5,381	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
2	Xây dựng nhà truyền thống huyện đội	TT. An Phú	150m ²	2021-2022	1999/QĐ-UBND, ngày 09/9/2021	1,100	1,060	1,060	-	1,060	1,060	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
3	Xây dựng nhà kho + CSHT Ban chi huy quân sự huyện An Phú	TT. An Phú	CT công, HR, nhà BV, Xay mới khu KS: thuê KI, HTKT.	2021-2025	2000/QĐ-UBND, ngày 09/9/2021	1,218	1,098	1,098	-	1,098	1,098	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
4	Xây dựng đường dẫn, công hàng rào Ban chi huy quân sự xã Phước Hưng	Phước Hưng	59,58m ²	2021-2025	2285/QĐ-UBND, ngày 22/10/2021, 3299/QĐ-UBND, ngày 07/11/2023	1,100	903	903	-	903	903	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
5	Nâng cấp nhà ăn Ban chi huy Quân sự huyện	TT. An Phú	CT bếp nhà ăn, 184m ² ; xây mới nhà mới mái dè, mở rộng nhà bếp	2021-2025	2286/QĐ-UBND, ngày 22/10/2021	1,122	1,000	1,000	620	985	365	620	-15	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	nhu cầu 1,120		
6	Nâng cấp cải tạo nhà ăn và tru sở Xã Đội Khánh An	Khánh An	100 m ²	2021-2025	2286/QĐ-UBND, ngày 22/10/2021	800	740	740	-	715	715	-	-25	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
7	Nâng cấp, cải tạo Tru sở Công an xã Khánh An	Khánh An	ĐT cải tạo, 184m ² ; xây mới phòng chức năng	2022-2024	2096/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021	3,421	3,175	3,175	-	3,175	3,175	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			
8	Nâng cấp, cải tạo Tru sở Công an xã Phú Hội	Phú Hội	ĐT xây dựng 582m ²	2022-2024	2097/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021	4,608	4,428	4,428	-	4,428	4,428	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện			

ST	Tên Dự án	Địa điểm XD	Mức lợi nhuận kế	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 02/8/2024 của HĐND huyện				Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện				Tăng, giảm	Chức danh đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng công	Trong đó		Tổng công	Trong đó						
								Đầu tư tập trung	Thu TSDD		Đầu tư tập trung	Thu TSDD					
1																	
2																	
3																	
4																	
5																	
6																	
7																	
8																	
9																	
10																	
11																	
12																	
13																	

STT	Danh mục công trình	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 02/8/2024 của HĐND huyện			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện			Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Đầu tư tập trung	Thu TSDĐ	Tổng cộng	Đầu tư tập trung	Thu TSDĐ			
1	2	3	4	5	6	7	8-9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=11-8	15	16
14	Xây dựng Nhà xe, cải tạo sân nền UBND xã Khánh Bình.	Khánh Bình	1.0x2.2m ² , nhà xe	2021	2516/QĐ-UBND 28/9/2020, 805/QĐ-UBND 14/4/2021, 2292/QĐ-UBND.	1,258	1,258	1,258	1,258	-	1,258	-	-	UBND xã Khánh Bình	
15	Trụ sở Khối vận huyện ủy An Phú	TT. An Phú	diện tích khu đất khoảng 3.903m ²	2023-2026	27/10/2021, 1640/QĐ-UBND, 13/10/2023	33,782	10,414	1,988	8,426	8,426	1,988	512	-7,914	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	huyện đ/lư 10.414
16	Cải tạo, sửa chữa 6 văn phòng áp xã Phú Hữu	Phú Hữu	SC 6 văn phòng áp	2022-2025	2185/QĐ-UBND ngày 05/10/2021	1,200	805	756	49	49	756	49	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
17	Sửa chữa nâng cấp, xây dựng hàng rào UBND xã Vĩnh Hậu	Vĩnh Hậu	100 m ²	2021	2301/QĐ-UBND; 28/10/2021	600	600	600	-	-	295	-	-305	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
18	XD văn phòng áp Vĩnh Lợi	Vĩnh Lộc	48m ²	2023	2302/QĐ-UBND; 28/10/2021	500	477	477	-	-	477	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
19	Xây dựng khối mặt trận - đoàn thể xã Vĩnh Lộc	Vĩnh Lộc	500m ²	2024-2025	2303/QĐ-UBND; 29/10/2021	1,100	1,100	1,100	-	-	1,100	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
20	XD văn phòng áp An Thạnh	TT. An Phú	72.65m ²	2021-2022	2589/QĐ-UBND; 05/10/2020	950	850	850	-	-	850	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
21	XD văn phòng áp An Hưng	TT. An Phú	64.36m ²	2021	2590/QĐ-UBND; 05/10/2020	493	478	478	-	-	478	-	-	UBND TT. An Phú	
22	Cải tạo, sửa chữa kho lưu trữ + nhà nghỉ + phòng làm việc UBND huyện	TT. An Phú	CT, SC	2023	2304/QĐ-UBND; 29/10/2021	900	693	693	-	-	590	-	-103	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
23	Cải tạo, sửa chữa phòng làm việc UBND huyện	TT. An Phú	CT, SC	2023	2305/QĐ-UBND; 29/10/2021	1,125	1,125	1,125	-	-	1,125	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
24	Nâng cấp, mở rộng trụ sở Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện An Phú	TT. An Phú	CT, nhà làm việc, MP, phòng chức năng, HTKT, TB	2022-2023	1256/QĐ-UBND; 22/8/2022	1,500	1,426	1,426	-	-	1,426	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
25	Xây dựng văn phòng mới của thị trấn Long Bình	TT. Long Bình	84m ²	2024-2026	574/QĐ-UBND; 20/5/2024	900	900	900	-	-	900	-	-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	BS mới 2025
26	Cải tạo hàng rào + Hồ: trường Tru sở Huyện ủy An Phú	TT. An Phú	CT, SC	2024-2025	1233/QĐ-UBND; 10/10/2024	593	-	-	-	-	593	-	593	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	BS mới 2025
V	Công nợ sau quyết toán			2021-2025		-4,786	4,786	4,786	-	-	4,786	-	-	Các chủ đầu tư	